

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **06** /2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày **30** tháng **3** năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cơ yếu số 32/2011/QH12;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bưu điện Trung ương;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi là Mạng truyền số liệu chuyên dùng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương và địa phương, Cục Bưu điện Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ), các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng quy định tại Điều 2 của Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ là cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương và địa phương, các cơ quan, tổ chức khác theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg.

2. Cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương là đơn vị được cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg giao làm đầu mối đăng ký kết nối, phối hợp quản lý và triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Thiết bị đầu cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng là thiết bị chuyên mạch, thiết bị định tuyến hoặc thiết bị tương đương đầu nối vào điểm kết cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Chương II QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI

Điều 4. Nguyên tắc kết nối

1. Việc kết nối phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, dùng chung cho cả hệ thống chính trị.

2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đến địa điểm kết nối của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ. Cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ chịu trách nhiệm triển khai kết nối nội bộ từ thiết bị đầu cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng đến người sử dụng.

Điều 5. Kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Kết nối các thành phần của mạng trực

a) Cục Bưu điện Trung ương thiết lập tối thiểu 02 (hai) mặt phẳng kết nối để bảo đảm san tải, dự phòng về thiết bị và kênh truyền theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau để kết nối các trung tâm miền, trung tâm tỉnh, mạng đô thị;

b) Trung tâm dự phòng được kết nối để phục vụ cho việc bảo đảm an ninh mạng và khôi phục kết nối, dịch vụ trong trường hợp xảy ra sự cố đối với trung tâm miền.

2. Kết nối các cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ thuộc mạng truy nhập cấp I

a) Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối tối thiểu 02 (hai) kênh truyền cáp quang theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau tới 01 (một) điểm kết nối tại trụ sở làm việc chính do cơ quan, tổ chức quyết định;

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ có trụ sở văn phòng đại diện/đại diện văn phòng bộ hoặc cơ quan tương đương tại tỉnh, thành phố thì Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối tối thiểu 01 (một) kênh truyền, ưu tiên sử dụng cáp quang đến mỗi trụ sở làm việc và triển khai các phương án bảo đảm cam kết chất lượng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

c) Trường hợp cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ có trụ sở làm việc khác thì cơ quan, tổ chức tự triển khai mạng nội bộ kết nối các trụ sở làm việc với nhau và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng thông qua điểm kết nối tập trung tại trụ sở làm việc chính để bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí. Trường hợp không triển khai được mạng nội bộ, cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương tổng hợp, đăng ký nhu cầu kèm theo thuyết minh gửi Cục Bưu điện Trung ương để tổ chức kết nối trực tiếp Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thuyết minh phải nêu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tự triển khai mạng nội bộ, đồng thời làm rõ sự cần thiết và yêu cầu nghiệp vụ cần kết nối trực tiếp Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Kết nối các cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ thuộc mạng truy nhập cấp II

a) Mỗi cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ thuộc mạng truy nhập cấp II được thiết lập 01 (một) điểm kết nối tại trụ sở làm việc chính do cơ quan, tổ chức quyết định;

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ có trụ sở làm việc khác thì cơ quan, tổ chức tự triển khai mạng nội bộ kết nối các trụ sở làm việc với nhau và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng thông qua điểm kết nối tập trung tại trụ sở làm việc chính để bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí. Trường hợp không triển khai được mạng nội bộ, cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương tổng hợp, đăng ký nhu cầu kèm theo thuyết minh gửi Cục Bưu điện Trung ương để tổ chức kết nối trực tiếp Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thuyết minh phải nêu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tự triển khai mạng nội bộ, đồng thời làm rõ sự cần thiết và yêu cầu nghiệp vụ cần kết nối trực tiếp Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

c) Cục Bưu điện Trung ương kết nối các hệ thống thông tin cấp độ 4 (bốn) và cấp độ 5 (năm) tối thiểu bằng 02 (hai) kênh truyền theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau; các trường hợp còn lại kết nối tối thiểu bằng 01 (một) kênh truyền và triển khai các phương án bảo đảm cam kết chất lượng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

4. Kết nối trung tâm dữ liệu

a) Cục Bưu điện Trung ương ưu tiên triển khai tối thiểu 02 (hai) kênh truyền cáp quang theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau kết nối từ thiết bị định tuyến của Trung tâm dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trung tâm dữ liệu của tỉnh, thành phố đến cổng kết nối;

b) Trường hợp trung tâm dữ liệu đặt tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp triển khai tối thiểu 02 (hai) kênh truyền cáp quang theo 02 (hai) hướng vật lý khác nhau kết nối từ thiết bị định tuyến của trung tâm dữ liệu đến cổng kết nối;

c) Việc kết nối các trung tâm dữ liệu của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện theo yêu cầu của Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Kết nối mạng viễn thông khác

a) Chủ quản mạng viễn thông khác thiết lập và sử dụng kênh kết nối bằng cáp quang hoặc thuê dịch vụ kênh riêng trực tiếp hoặc kênh riêng ảo của doanh nghiệp viễn thông để kết nối từ mạng viễn thông khác vào cổng kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

b) Cục Bưu điện Trung ương và đơn vị chủ quản mạng viễn thông khác phối hợp thiết lập các chính sách định tuyến giữa 02 (hai) mạng thông qua cổng kết nối và hệ thống chuyển đổi của mạng viễn thông khác.

6. Yêu cầu tối thiểu về kênh truyền

Kênh truyền phải bảo đảm mức đỉnh lưu lượng trao đổi cao nhất trong nhóm 95% (95th Percentile) của mỗi hướng kết nối (hướng đi và hướng về) không vượt quá 90% dung lượng kết nối 07 (bảy) ngày liên tiếp theo kết quả giám sát, thời gian lấy mẫu giám sát là 05 (năm) phút/lần.

7. Yêu cầu tối thiểu về thiết bị đầu cuối và hạ tầng kỹ thuật lắp đặt

Thiết bị đầu cuối Mạng truyền số liệu chuyên dùng và hạ tầng kỹ thuật lắp đặt thiết bị phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Kết nối các dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Kết nối dịch vụ mạng riêng ảo

a) Kết nối dịch vụ mạng riêng ảo cung cấp cho cơ quan Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thiết lập các mạng diện rộng dùng riêng (không kết nối Internet) trên hạ tầng vật lý dùng chung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

b) Kết nối dịch vụ mạng riêng ảo cung cấp các loại hình kết nối “điểm - điểm”, “điểm - đa điểm”, “đa điểm - đa điểm” để phục vụ khai thác, liên thông, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu, ứng dụng, nền tảng giữa các điểm kết nối.

2. Kết nối dịch vụ hội nghị truyền hình

a) Kết nối dịch vụ hội nghị truyền hình sử dụng kênh truyền Mạng truyền số liệu chuyên dùng và các hệ thống điều khiển đa điểm của Cục Bưu điện Trung ương, ban, bộ, ngành, địa phương để thiết lập các phiên họp trực tuyến giữa các điểm cầu;

b) Cục Bưu điện Trung ương bảo đảm hệ thống điều khiển đa điểm kết nối cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ thuộc mạng truy nhập cấp I; đồng thời tổ chức kết nối liên thông giữa hệ thống điều khiển đa điểm của Cục Bưu điện Trung ương với các hệ thống điều khiển đa điểm của ban, bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp;

c) Các ban, bộ, ngành, địa phương bảo đảm hạ tầng phòng họp trực tuyến, hệ thống điều khiển đa điểm của đơn vị theo các quy định khi kết nối dịch vụ hội nghị truyền hình Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

3. Kết nối dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng

Kết nối dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng thiết lập đường kết nối truy nhập Internet phục vụ Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Ban Đảng ở trung ương, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an ninh mạng.

Điều 7. Quy định về địa chỉ IP và định tuyến

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng sử dụng địa chỉ IP công cộng và IP dùng riêng.

2. Địa chỉ IP sử dụng cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đối tượng và không trùng lặp giữa các dịch vụ, cơ quan, tổ chức.

3. Địa chỉ IP công cộng do Cục Bưu điện Trung ương cấp lại cho cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng tuân theo các quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

4. Cục Bưu điện Trung ương quản lý toàn bộ địa chỉ IP dùng riêng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng; cấp, phân chia địa chỉ IP theo mạng truy nhập cấp I, mạng truy nhập cấp II, cấp hành chính và nhu cầu sử dụng hạ tầng viễn thông của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ; bảo đảm an ninh mạng, tính mở rộng và dự phòng về địa chỉ IP.

5. Cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu, rà soát, cập nhật tình hình sử dụng tài nguyên địa chỉ IP Mạng truyền số liệu chuyên dùng của ban, bộ, ngành, địa phương, gửi thông tin đăng ký về Cục Bưu điện Trung ương theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cục Bưu điện Trung ương thực hiện thu hồi những địa chỉ IP sử dụng không đúng mục đích và quy định của Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại Thông tư này.

7. Nguyên tắc định tuyến

a) Cục Bưu điện Trung ương quản lý, thiết lập chính sách định tuyến trên toàn mạng phục vụ kết nối liên thông giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bảo đảm chất lượng dịch vụ và an ninh mạng theo các quy định kết nối tại Thông tư này;

b) Các yêu cầu về tạo mới hoặc thay đổi chính sách định tuyến chỉ được triển khai sau khi thống nhất phương án giữa các đơn vị liên quan và Cục Bưu điện Trung ương.

Điều 8. Quy định bảo đảm an ninh mạng

1. Hệ thống thông tin kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải thực hiện qua cổng kết nối để bảo đảm an ninh mạng và triển khai các dịch vụ, ứng dụng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Hệ thống thông tin tham gia kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được chủ quản xác định cấp độ an ninh mạng và triển khai đầy đủ nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ an ninh mạng theo cấp độ (cấp độ 3 trở lên đối với hệ thống thông tin truyền tải bí mật nhà nước) theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

3. Các vùng mạng nội bộ của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ tham gia kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được thiết lập, phân tách theo cơ quan, tổ chức, mục đích sử dụng và triển khai giải pháp phòng chống mã độc theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về an ninh mạng.

4. Kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ truyền đưa bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và cơ yếu.

5. Hoạt động phối hợp kiểm tra, xử lý sự cố kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng được thực hiện theo quy trình quản lý, vận hành, bảo đảm an ninh mạng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng do Cục Bưu điện Trung ương ban hành và theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Xây dựng, triển khai phương án ứng phó, khắc phục sự cố mạng, an ninh mạng và định kỳ hằng năm tổ chức diễn tập phương án xử lý sự cố mạng, an ninh mạng theo vùng, miền và quốc gia đối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 9. Quy định giám sát kết nối

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được giám sát mạng, giám sát an ninh mạng 24/7 đến cổng kết nối thông qua Hệ thống quản lý, giám sát tập trung của Cục Bưu điện Trung ương.

2. Cục Bưu điện Trung ương chia sẻ quyền giám sát thông tin trạng thái, chất lượng, cảnh báo kết nối trực tuyến cho cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương trong phạm vi được giao.

3. Trước ngày 05 hằng tháng, Cục Bưu điện Trung ương chia sẻ số liệu tổng hợp về hoạt động, mức độ sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng với các cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương.

4. Hệ thống thiết bị bảo mật kênh truyền của Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng để phục vụ truyền đưa bí mật nhà nước được vận hành, giám sát theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và cơ yếu.

5. Hệ thống giám sát an ninh mạng tập trung Mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối, chia sẻ tới Hệ thống giám sát an ninh mạng quốc gia để tiếp nhận, điều phối ứng phó sự cố theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

Điều 10. Cơ sở dữ liệu về kết nối

1. Cơ sở dữ liệu về kết nối bao gồm: văn bản quy định về kết nối, cơ quan, tổ chức kết nối, thời gian kết nối, số lượng kênh truyền, băng thông, chất lượng kết nối và các thông tin liên quan khác.

2. Hạ tầng phục vụ cơ sở dữ liệu về kết nối bao gồm: hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống phần mềm, các trang thiết bị bảo đảm kết nối mạng, thiết bị bảo đảm an ninh mạng, thiết bị mã hóa dữ liệu, thiết bị lưu trữ và các thiết bị liên quan khác.

3. Cơ sở dữ liệu về kết nối được thu thập, cập nhật, lưu trữ, khai thác thường xuyên, liên tục theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đăng ký kết nối

1. Đăng ký hằng năm

a) Trước ngày 31 tháng 01 của năm xây dựng kế hoạch, cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương đăng ký nhu cầu kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của năm kế hoạch, sử dụng Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Bưu điện Trung ương;

b) Trường hợp nhu cầu đăng ký có tổng số lượng kết nối hoặc băng thông trên 01 (một) kênh tăng trên 20% so với đăng ký lần trước liền kề, cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm thuyết minh chi tiết và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp. Trường hợp không có thuyết minh hoặc nội dung thuyết minh không đủ căn cứ, nhu cầu sử dụng sẽ xác định theo số liệu đăng ký lần trước liền kề.

2. Trước ngày 30 tháng 6 năm cuối cùng của kế hoạch tài chính 5 năm, cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương đăng ký nhu cầu kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng giai đoạn 5 năm tiếp theo, sử dụng Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Bưu điện Trung ương.

3. Đối với công tác xây dựng kế hoạch giai đoạn 2026-2030 và năm 2027, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi văn bản yêu cầu đăng ký kết nối sau khi Thông tư ban hành.

4. Trường hợp có điều chỉnh hoặc phát sinh nhu cầu kết nối sau các mốc thời gian quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương thuyết minh và đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng, sử dụng Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Cục Bưu điện Trung ương. Căn cứ đăng ký, Cục Bưu điện Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

5. Cơ quan, tổ chức đề xuất nhu cầu chịu trách nhiệm toàn diện với số liệu đăng ký, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế, tiết kiệm, hiệu quả, không đăng ký vượt quá nhu cầu, gây lãng phí; chủ động rà soát nhu cầu sử dụng và thực hiện đăng ký điều chỉnh (nếu có); chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan có thẩm quyền.

6. Căn cứ đăng ký của cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương và các yêu cầu thực tế, Cục Bưu điện Trung ương rà soát, tổng hợp khối lượng kênh truyền toàn mạng lưới, xây dựng phương án và tổ chức triển khai theo quy định pháp luật.

Điều 12. Quy định về kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra việc chấp hành các quy định, quy trình quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm an ninh mạng Mạng truyền số liệu chuyên dùng;

b) Kiểm tra về kết nối mạng, quản lý chất lượng dịch vụ và các nội dung liên quan khác trong hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ;

c) Kiểm tra về việc ban hành ứng dụng, nền tảng và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Căn cứ kiểm tra

- a) Kiểm tra theo kế hoạch hằng năm;
- b) Kiểm tra đột xuất khi cần thiết.

3. Hình thức kiểm tra

Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử.

4. Đơn vị kiểm tra

a) Cục Bưu điện Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ) thực hiện kiểm tra trên toàn quốc; cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương và các cơ quan liên quan theo kế hoạch được phân công;

b) Cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong phạm vi tại ban, bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Đối tượng kiểm tra

- a) Các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng;
- b) Các cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Bưu điện Trung ương

1. Chủ trì xây dựng, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn về quy định, quy trình quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm an ninh mạng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

2. Xây dựng chỉ tiêu chất lượng dịch vụ, cơ sở dữ liệu kết nối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng và trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

3. Chủ trì xây dựng và triển khai phương án ứng phó, khắc phục sự cố mạng, an ninh mạng; định kỳ, hằng năm chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên trách tổ chức diễn tập phương án xử lý sự cố mạng, an ninh mạng theo vùng, miền và quốc gia.

4. Định kỳ, hằng năm tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho nhân lực tham gia quản lý, vận hành, giám sát mạng.

5. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên toàn quốc theo quy định tại Điều 9 và Điều 12 của Thông tư này.

6. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế nhằm trao đổi kỹ thuật, tiếp cận, cập nhật các xu hướng và giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ xây dựng, duy trì, phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan chuyên trách của ban, bộ, ngành, địa phương

1. Chủ trì tổng hợp, đăng ký nhu cầu kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của ban, bộ, ngành, địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền (cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg) phê duyệt trước khi gửi về Cục Bưu điện Trung ương; phối hợp triển khai kết nối mạng.

2. Tham gia xử lý sự cố mạng, an ninh mạng (nếu có); tham gia khóa bồi dưỡng, tập huấn và diễn tập phương án xử lý sự cố mạng, an ninh mạng tại vùng, miền, quốc gia theo kế hoạch của Cục Bưu điện Trung ương.

3. Chịu trách nhiệm đánh giá mức độ quan trọng, yêu cầu an ninh mạng, tính liên tục trong hoạt động của hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, xác định nhu cầu kết nối dự phòng và gửi Cục Bưu điện Trung ương.

4. Chủ trì, phối hợp tổ chức kiểm tra theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Chủ trì tổng hợp nhu cầu đăng ký, điều chỉnh, rà soát, đối chiếu các sản phẩm mật mã phục vụ truyền đưa bí mật nhà nước cho cơ quan thuộc hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương.

2. Phối hợp triển khai, giám sát, xử lý sự cố kết nối mạng, an ninh mạng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Phối hợp xây dựng khóa bồi dưỡng, tập huấn và phương án diễn tập xử lý sự cố mạng, an ninh mạng tại vùng, miền, quốc gia liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ

1. Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng và an ninh mạng quy định tại Thông tư và pháp luật liên quan hiện hành.

2. Tham gia diễn tập phương án xử lý sự cố mạng, an ninh mạng tại vùng, miền và quốc gia theo kế hoạch của Cục Bưu điện Trung ương.

3. Cung cấp đầu mỗi phối hợp tại các tỉnh, thành phố.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Cục Bưu điện Trung ương (Bộ Khoa học và Công nghệ) để phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ KHCN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu: VT, CBĐTƯ (3).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng



Phụ lục I

YÊU CẦU KỸ THUẬT TỐI THIỂU VỀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp I:

a) Số lượng cổng kết nối: 08 cổng LAN (Local Area Network) và 04 cổng WAN (Wide Area Network);

b) Hỗ trợ các giao thức truyền tải, chuyển mạch lớp 2 hoặc định tuyến lớp 3 của mô hình OSI (Open Systems Interconnection); phân tách VLAN (Virtual Local Area Network) để phân chia dịch vụ;

c) Hỗ trợ giao thức quản lý, giám sát mạng SNMP (Simple Network Management Protocol), Syslog (System Logging Protocol) hoặc tính năng tương đương và cập nhật phần mềm từ xa;

d) Hỗ trợ giao thức IPv6;

đ) Hỗ trợ phương thức quản trị cấu hình từ xa, có xác thực và mã hoá.

2. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II:

a) Số lượng cổng kết nối: 04 cổng LAN và 01 cổng WAN;

b) Hỗ trợ các giao thức truyền tải, chuyển mạch lớp 2 hoặc định tuyến lớp 3 của mô hình OSI (Open Systems Interconnection); phân tách VLAN (Virtual Local Area Network) để phân chia dịch vụ;

c) Hỗ trợ giao thức quản lý, giám sát mạng SNMP, Logs hoặc Syslog và tính năng tương đương và cập nhật phần mềm từ xa;

d) Hỗ trợ giao thức IPv6;

đ) Hỗ trợ phương thức quản trị cấu hình có xác thực và mã hoá.

3. Yêu cầu tối thiểu hạ tầng lắp đặt thiết bị đầu cuối mạng truy nhập

a) Các thiết bị đầu cuối mạng truy nhập phải được dán nhãn thông tin quản lý và hỗ trợ kỹ thuật; lắp đặt tại vị trí bảo đảm điều kiện an toàn cho thiết bị, đáp ứng yêu cầu kiểm soát, quản lý việc ra vào theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg.

b) Các thiết bị đầu cuối mạng truy nhập phải được bố trí lắp đặt ở vị trí có điều kiện môi trường bảo đảm về nhiệt độ, nguồn điện, an toàn.

- Nhiệt độ:



+ Đối với thiết bị đặt tại phòng máy: nhiệt độ yêu cầu từ 20⁰C đến 25⁰C; độ ẩm từ 40% đến 55%;

+ Đối với thiết bị đặt tại phòng làm việc: nhiệt độ yêu cầu từ 20⁰C đến 32⁰C; độ ẩm từ 40% đến 80%.

- Nguồn điện: bảo đảm, có thiết bị lưu điện (UPS).

c) Cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ có trách nhiệm duy trì hạ tầng lắp đặt để bảo đảm hoạt động của thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập, kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.





Phụ lục II
MẪU ĐĂNG KÝ KẾT NỐI
MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Mẫu số 01	Đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (hằng năm).
Mẫu số 02	Đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (giai đoạn 5 năm).

Mẫu số 01. Đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (hàng năm)

TÊN CƠ QUAN, CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ CHỨC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ KẾT NỐI MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG
Năm

Kính gửi: Cục Bru điện Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức:

- Tên cơ quan, tổ chức
- Địa chỉ trụ sở làm việc:.....
- Điện thoại:.....
- Mã định danh điện tử:.....

2. Đầu mối liên hệ:

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/phòng/ban:.....
- Điện thoại:.....
- Hộp thư điện tử công vụ:.....

3. Nội dung đề nghị:*Chi tiết như Bảng thông tin đăng ký kết nối gửi kèm.***4. Cam kết**

[tên cơ quan, tổ chức] cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bảo đảm sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm theo quy định của pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức
(Ký, họ tên, chức danh và dấu)

BẢNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI

(Kèm theo văn bản số ngày .../.../..... của.....)

1. Thông tin đăng ký kết nối mới

STT	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Hệ thống kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Cấp độ an ninh mạng của hệ thống kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Số lượng kênh (kênh)	Băng thông mỗi kênh đăng ký (Mbps)	Số lượng địa chỉ IP để kết nối thiết bị	Ứng dụng, nền tảng sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	Thời gian triển khai	Thông tin đầu mối liên hệ của đơn vị sử dụng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Ví dụ: UBND xã A	số 54 đường X, xã A, tỉnh Z	Mạng nội bộ	Cấp độ 3 (QĐ phê duyệt số ngày tháng năm ban hành)	1	5	5	Dịch vụ hành chính công Xử lý văn bản Hội nghị truyền hình	01/07/2027	Nguyễn Văn B, chuyên viên phòng Y, SĐT 09xxxxxxx
2	Sở X	số 234 đường Y, xã B, tỉnh Z	Mạng nội bộ/ Hệ thống MCU/ Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Cấp độ 3 (QĐ phê duyệt số ngày tháng năm ban hành)	2	50	20	MCU THHN nội tỉnh Xử lý văn bản Dịch vụ hành chính công
...

Trong đó:

- (3) Địa điểm kết nối: ghi đầy đủ địa chỉ tòa nhà, số nhà, phường/xã, tỉnh/thành phố.
- (6) Số lượng kênh: nếu lớn hơn 01 (một) cần thuyết minh lý do theo các trường hợp:
- Căn cứ cơ quan, tổ chức thuộc mạng truy nhập cấp I;
 - Căn cứ theo cấp độ an ninh mạng của hệ thống thông tin (cấp độ 4 hoặc 5);



- Căn cứ mức độ quan trọng, yêu cầu an ninh mạng, tính liên tục trong hoạt động của hệ thống thông tin,....

(7) Bảng thông mỗi kênh đăng ký kèm theo giải trình cơ sở xác định băng thông để bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

(11) Thông tin đầu mỗi liên hệ của đơn vị sử dụng: ghi đầy đủ Họ và tên, chức vụ, phòng, ban, số điện thoại liên hệ.

2. Thông tin đăng ký thay đổi

STT	Tên cơ quan, tổ chức sử dụng	Địa điểm kết nối	Thông tin cũ	Thông tin mới	Thuyết minh sự thay đổi	Thời gian thực hiện thay đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	<i>Ví dụ: UBND xã A</i>	<i>Số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh X</i>	<i>Số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh Z</i>	<i>Số 135 đường Lý Chính Thắng, xã A, tỉnh Z</i>	<i>Thay đổi địa chỉ trụ sở làm việc</i>	<i>01/07/2027</i>
2	<i>UBND phường B</i>	<i>Số 111 đường Thành Thái, phường B, thành phố Y</i>	<i>01 kênh băng thông 10Mbps</i>	<i>01 kênh băng thông 15Mbps</i>	<i>Thay đổi băng thông, lý do: sử dụng thêm nền tảng quản lý đất đai của tỉnh</i>	<i>01/08/2027</i>
...			

Trong đó:

(4), (5) Thông tin thay đổi bao gồm: địa chỉ kết nối, số kênh, băng thông, cấp độ hệ thống thông tin kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, địa chỉ IP, đầu mỗi liên hệ hoặc các thông tin liên quan khác.

(6) Thuyết minh sự thay đổi: thuyết minh rõ lý do thay đổi, cung cấp cơ sở pháp lý, thực tiễn đối với trường hợp tổng số lượng kết nối hoặc băng thông trên 01 (một) kênh tăng trên 20% so với đăng ký lần trước liền kề.



Mẫu số 02. Đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (giai đoạn 5 năm)

TÊN CƠ QUAN, CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ CHỨC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ KẾT NỐI MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG
Giai đoạn 5 năm (..... -)

Kính gửi: Cục Bru điện Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về cơ quan, tổ chức:

- Tên cơ quan, tổ chức
- Địa chỉ trụ sở làm việc chính:.....
- Điện thoại:.....
- Mã định danh điện tử:.....

2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/phòng/ban:.....
- Điện thoại:.....
- Hộp thư điện tử công vụ:.....

3. Nội dung đề nghị:*Chi tiết tại Bảng thông tin đăng ký kết nối gửi kèm.***4. Cam kết**

[tên cơ quan, tổ chức] cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và bảo đảm sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đúng mục đích, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm theo quy định của pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức
(Ký, họ tên, chức danh và dấu)

BẢNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ KẾT NỐI

(Kèm theo văn bản số ngày .../.../..... của.....)

1. Đánh giá tình hình kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng giai đoạn 5 năm trước

- 1.1. Đánh giá tình hình kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (số lượng kết nối, băng thông, ...)
- 1.2. Đánh giá tình hình sử dụng các dịch vụ, ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
- 1.3. Đánh giá về chất lượng, mức độ sẵn sàng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
- 1.4. Đánh giá về an toàn, bảo mật của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
- 1.5. Khó khăn, tồn tại và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

2. Đăng ký kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng giai đoạn 5 năm

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Hiện trạng			Dự kiến băng thông giai đoạn 5 năm					
		Địa điểm kết nối	Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)	Năm thứ 1		Năm thứ 5		Thuyết minh nhu cầu
					Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)		Số lượng kênh	Băng thông (Mbps)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)-(13)	(14)	(15)	(16)
1	Ví dụ: UBND xã A	số 54 đường Trương Định, xã A, tỉnh Z	1	10	1	10		1	20	
2	Trung tâm dữ liệu của tỉnh A		2	50	2	50		2	100	
									
	TỔNG CỘNG									

Trong đó: Băng thông được tính trên mỗi kênh.



